

Bản án số: 3231/2024/DS – ST
Ngày: 19 – 7 – 2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Khuyến
2. Bà Phan Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2065/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4360/2024/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S
Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987
Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Nhật H, sinh năm 1997
Địa chỉ: 82/37/3 Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ông Nguyễn Nhật Kinh K trình bày:

Ngày 18/04/2019, ông Nguyễn Nhật H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Nguyễn Nhật H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 356.777.746 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Nguyễn Nhật H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông Nguyễn Nhật H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 330.347.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Nhật H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Nhật H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 35.442.990 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 15/05/2024, Ông Nguyễn Nhật H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc : 35.442.990 đồng
- Lãi quá hạn : 59.944.876 đồng
- Tổng cộng : 95.387.866 đồng

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 35.442.990 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng ($2.6\% * 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Nhật H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Nguyễn Nhật H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Nhật H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm

tính đến ngày 15/05/2024 là 95.387.866 đồng, trong đó: Nợ gốc: 35.442.990 đồng; Lãi quá hạn: 59.944.876 đồng. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/05/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Trả một lần, ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Nhật H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến làm việc, Thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia các phiên toà xét xử nhưng ông H vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại các phiên toà xét xử không có lý do.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là ông Nguyễn Nhật Kinh K vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Nhật H phải trả toàn bộ số tiền nợ đối với thẻ tín dụng JCB, số thẻ 356481-8200 tính đến ngày 19/7/2014 là 98.382.806 đồng, trong đó: Nợ gốc: 35.442.990 đồng; Lãi quá hạn: 62.939.816 đồng và ông H còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/7/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 18/4/2019, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Nhật H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để tham gia các phiên toà xét xử nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện việc cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vụ án đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Đại diện Viện kiểm sát nhận định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Nhật H phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay (gồm tiền gốc và tiền lãi quá hạn) mà ông H đã vay theo Hợp đồng sử dụng

thẻ tín dụng ngày 18/4/2019 nên đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng năm 2015.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 18/4/2019 có ghi địa chỉ của ông Nguyễn Nhật H là 82/37/3 Đường A, phường T, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh; Theo xác nhận của công an phường T, thành phố T ông Nguyễn Nhật H có làm thủ tục khai báo nơi ở hiện tại tại 82/37/3 Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh vào đầu năm 2023, nhưng hiện tại ông H không còn thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Hiện ông H đã chuyển đi nơi khác, không rõ nơi đến và không thông báo cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn kiện lại vụ án thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Nhật H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Nhật H theo quy định pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ:

Theo nội dung Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 18/04/2019, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng JCB, số thẻ 356481-8200, hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn cho ông H với mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc hai bên thỏa thuận mức lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt đến nay, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 330.347.000 đồng.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Kể từ đó đến nay, ông H không thanh toán số tiền nợ nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông H nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến, giấy tờ tài liệu liên quan đến tranh chấp nêu trên cho Tòa án.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Nhật H phải trả toàn bộ số tiền nợ đối với thẻ tín dụng JCB, số thẻ 356481-8200 tính đến ngày 19/7/2024 là 98.382.806 đồng, trong đó: Nợ gốc: 35.442.990 đồng; Lãi quá hạn: 62.939.816 đồng và ông H còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/7/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 18/4/2019, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phù hợp với các nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả là $(98.382.806 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.919.140 \text{ đồng}$ (bốn triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bốn mươi đồng), nguyên đơn không phải chịu án phí do đó trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 4, Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**.

Buộc ông **Nguyễn Nhật H** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** tổng số tiền tính đến ngày 19/7/2024 là 98.382.806 đồng (chín mươi tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn tám trăm lẻ sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 35.442.990 đồng (ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm chín mươi đồng); Lãi quá hạn: 62.939.816 đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi chín nghìn tám trăm mười sáu đồng). Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/7/2024, ông **Nguyễn Nhật H** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** thì lãi suất mà ông **H** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Nguyễn Nhật H** phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 4.919.140 đồng (bốn triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Ngân hàng không phải chịu án phí. Do đó, trả lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền 2.021.848 đồng (hai triệu không trăm hai mươi một nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, phí lệ phí Tòa án số AA/2023/0001806 ngày 28/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thu Hiền